TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 08-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- THành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Chiến

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân

- Thư ký phiên tòa: bà Đàm Nguyên Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu THành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Châu THành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp Thanh H, xã Thanh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: chị Lê Thị D sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Thanh S, xã Thanh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh.

Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị Lê Thị D tham gia 02 phần hụi 2.000.000 đồng do chị làm chủ thảo. Hụi khui ngày 10/7/2019, gồm 18 phần, mãn ngày 10/12/2020. Chị mở rất nhiều dây hụi ngày 10/7/2019 và cho hụi viên được đổi dây hụi với nhau để được hốt hụi khi cần tiền. Chị D hốt phần hụi thứ 1 ngày 10/7/2019, hốt phần hụi thứ 2 ngày 10/01/2020. Chị D đóng hụi chết đến tháng 6/2020 thì ngưng cho đến khi mãn hụi. Như vậy, chị D còn nợ chị 6 kỳ hụi chết của 02 phần hụi 2.000.000 đồng tHành tiền là 24.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị D trả số tiền hụi chết là 24.000.000 đồng, không tính lãi. Chị H không yêu cầu chồng chị D cùng liên đới trả nợ.

Chị Lê Thị D không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp Hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố dụng dân sự 2015.

- Về nội dung: áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 và Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị D trả cho chị H số tiền hụi là 24.000.000 đồng. Ghi nhận chị H không tính lãi, không yêu cầu chồng chị D cùng liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H, lời khai của đương sự và chứng cứ trong vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị D cư trú cuối cùng tại ấp Thanh S, xã Thanh Đ, huyện Châu Th, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị D đã được Tòa án tiến Hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị không đến Tòa án. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến Hành xét xử vắng mặt chị D. Riêng chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến Hành xét xử vắng mặt chị H.

Về nội dung vụ án:

[3] Chị H cung cấp cho Tòa án danh sách tham gia chơi dây hụi ngày 10/7/2019 gồm 18 phần có tên chị D trong danh sách, sổ theo dõi việc đóng hụi chết của hụi viên, cung cấp 02 giấy đăng hụi ngày 10/7/2019 và ngày 10/01/2020 có chữ ký và ghi họ tên nhận tiền hụi của chị Lê Thị D. Quá trình Tòa án xác minh, những hụi viên xác định có tham gia chơi hụi cùng với chị D dây hụi ngày 10/7/2019, chị D đã hốt hết hai phần hụi. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc chị D có tham gia chơi hụi của chị H, cụ thể là 02 phần hụi ngày 10/7/2019 và đã hốt hụi. Chị H trình bày chị D không đóng hụi từ tháng 07/2020 cho đến khi mãn hụi (ngày 10/12/2020), tổng cộng 6 kỳ hụi với số tiền 24.000.000 đồng, là đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận của các bên.

[4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập làm việc; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng chị D không đến Tòa án, cũng như không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Qua xác minh chị D đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho chị H về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự chị D có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nếu không thực hiện quyền này thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu

thập được trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số tiền hụi 24.000.000 đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chồng chị D cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án là 24.000.000 đồng x 5% = 1.200.000 đồng.

Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 40, 91, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng góp hụi của chị Lê Thị Thu H đối với chị Lê Thị D.

Buộc chị Lê Thị D có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Thu H số tiền hụi là 24.000.000 đồng.

Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chồng chị D cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hành án có quyền chủ động ra quyết định thi Hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hành án của người được thi Hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hành án) cho đến khi thi Hành án xong, bên phải thi Hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: chị Lê Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đồng.

Chị Lê Thị Thu H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng theo biên lai thu số 0007426 ngày 21/8/2020 của cơ quan thi Hành án dân sự huyện Châu THành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu THành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thúy Liễu